TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Trương Xuân V;
2- Ông Hoàng Văn Yên.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Th** 35 tuổi
Địa chỉ: Thôn 7 xã ML- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T** 41 tuổi
Địa chỉ: Thôn 7 xã ML- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 06-11-2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đặng Thị Th trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn tháng 9 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ML- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có tính gia trưởng, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, hay uống rượu say về gây chuyện, chửi bới dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau, nhiều lần anh T còn đánh chị. Vợ chồng sống ly thân được một năm không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn T có hai cháu là Hoàng Thị Đ sinh ngày 18-7-2012 và Hoàng Quốc V sinh ngày 28-11-

2017, các con hiện đang ở với bố. Ly hôn mỗi người nuôi một con, chị sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Đ, để anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Quốc V; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang đi làm công ty tại Bắc Ninh, thu nhập bình quân từ 5 triệu đến 6 triệu đồng/ tháng. Nếu được quyền nuôi con chị sẽ vẫn để cháu Đ ở với bố để cháu trông em, hàng tháng chị sẽ gửi tiền về chu cấp nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn T vắng mặt nên Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn đã được triệu tập nhưng không có mặt là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Đặng Thị Th được ly hôn với anh Hoàng Văn T. Giao cháu cả hai con chung là Hoàng Thị Đ và Hoàng Quốc V cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Đặng Thị Th và anh Hoàng Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã ML- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Hoàng Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; chị Đặng Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt cả bị đơn và nguyên đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th và anh Hoàng Văn T kết hôn năm 2012, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị Th- anh T không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau… Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qúa trình giải quyết vụ án Toà án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Hoàng Văn T không có mặt tham gia các phiên hoà giải đã thể hiện không còn thiện chí tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa. Chị Đặng Thị Th khẳng đình tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Th có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị Th và anh Hoàng Văn T có hai cháu là Hoàng Thị Đ sinh ngày 18-7-2012 và Hoàng Quốc V sinh ngày 28-11-2017. Qúa trình giải quyết vụ án chị Th đề nghị được nuôi cháu Hoàng Thị Đ, để anh T nuôi cháu Hoàng Quốc V; nếu được quyền nuôi con chị sẽ vẫn để cháu Đ ở với bố để cháu trông em, hàng tháng chị sẽ gửi tiền về chu cấp nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Xét hoàn cảnh thực tế chị Th hiện đi làm xa; các con đang ở cùng bố. Trong biên bản lấy lời khai cháu Hoàng Thị Đ có nguyện vọng muốn được ở với bố. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập cần giao các con cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt để thể hiện quan điểm nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đặng Thị Th được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cả hai cháu là Hoàng Thị Đ sinh ngày 18-7-2012 và Hoàng Quốc V sinh ngày 28-11-2017 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị Th đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001555 ngày 06-11-2023.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã ML;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô